

Bản án số: 1063/2021/HN-ST
Ngày: 29/4/2020
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng

2. Bà Nguyễn Thị Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại phòng xử án Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 892/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 842/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 701/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/4/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Ngọc V, sinh năm 1987.

Thường trú: ấp Chà Và, xã Vĩnh Kim, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh;

Bị đơn: Ông Lê Thanh H, sinh năm 1987.

Thường trú: A14/8 Khu phố 6, phường An Khánh, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh;

Tạm trú: 25/8E Đường 17, khu phố 5, phường Linh Trung, quận Thủ Đức thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:*

Bà và ông Lê Thanh H tự nguyện sống chung, có đăng ký cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Khánh, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung thì hai bên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là sau khi kết hôn do kinh tế kinh tế khó khăn nên bà phải lên thành phố làm mướn kiếm tiền nuôi con và gia đình, ông H không quan tâm mặt khác nhiều lần gây rối và không cho bà làm việc, còn ra đánh đập bà nhưng vì thương con nên bà đã cố gắng chịu đựng. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà nộp đơn yêu cầu được ly hôn với ông Lê Thanh H;

- Về con chung: Bà và ông Lê Thanh H có 03 người con chung tên Lê Trương Yến Nhi, sinh ngày 11/02/2008; Lê Trương Yến Trang, sinh ngày 26/01/2009; Lê Trương Minh Thiện, sinh ngày 27/3/2010; Hiện nay 03 con chung đang sống chung với bà nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà V khai không có.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng ông Lê Thanh H cố tình không hợp tác, không đến Tòa án để làm việc. Vì vậy Tòa án thực hiện thủ tục niêm yết xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Trương Thị Ngọc V có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn bà V vẫn giữ nguyên toàn bộ ý kiến, yêu cầu như trong bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa.

Phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục tổng đạt, cấp, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Trương Thị Ngọc V khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lê Thanh H; ông H cư trú tại thành phố Thủ Đức, nên quan hệ tranh chấp giữa bà V và ông H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên vụ án được đưa ra xét xử có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1 và khoản 3, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyền số 01/2008 do Ủy ban nhân dân phường An Khánh, Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/7/2008, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị Ngọc V và ông Lê Thanh H là hôn nhân hợp pháp.

Đối với yêu cầu của bà V về việc xin ly hôn ông H: Bà Trương Thị Ngọc V xác định không còn tình cảm với ông Lê Thanh H, nguyên nhân là do là sau khi kết hôn do kinh tế kinh tế khó khăn nên bà phải lên thành phố làm mướn kiếm tiền nuôi con và gia đình, ông H không quan tâm mặt khác nhiều lần gây rối và không cho bà làm việc, còn ra đánh đập bà nhưng vì thương con nên bà đã cố gắng chịu đựng. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà nộp đơn yêu cầu được ly hôn với ông Lê Thanh H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Lê Thanh H đến Tòa làm việc nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do. Theo công văn trả lời xác minh tình trạng hôn nhân số 1985/LĐTB ngày 26/11/2020 về phúc đáp xác minh tình trạng hôn nhân và gia đình của đương sự của Phòng Lao động Thương binh và xã hội quận Thủ Đức có nội dung: “Bà Trương Thị Ngọc V và ông Lê Thanh H là vợ chồng, cả hai có ba người con Lê Trương Yến Nhi, sinh ngày 11/02/2008; Lê Trương Yến Trang, sinh ngày 26/01/2009; Lê Trương Minh Thiện, sinh ngày 27/3/2010. Do mâu thuẫn gia đình, bà V và ông H sống ly thân. Hiện nay bà Trương Thị Ngọc V đang trực tiếp nuôi dưỡng 03 người con chung.” Xét thấy ông H đã nhiều lần được tổng đạt các giấy triệu tập của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chứng tỏ ông H cũng không còn quan tâm hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với bà V. Xét, bà V khai bà và ông H do mâu thuẫn nên vợ chồng bà đã sống ly thân được 03 năm nay là có cơ sở nên căn cứ vào Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Ngọc V.

Về con chung: Căn cứ vào lời khai của bà V; Bản sao “Giấy khai sinh” số 312/2008 ngày 16/7/2008, số 234 ngày 17/10/2010 và số 100/2009 ngày 24/3/2009 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Kim, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh và công văn trả lời xác minh tình trạng hôn nhân số 1985/LĐTB ngày 26/11/2020 về phúc đáp xác minh tình trạng hôn nhân và gia đình của đương sự của Phòng Lao động Thương binh và xã hội quận Thủ Đức có đủ cơ sở xác định quá trình chung sống bà V và ông H có ba người con Lê Trương Yến Nhi, sinh ngày 11/02/2008; Lê Trương Yến Trang, sinh ngày 26/01/2009; Lê Trương Minh Thiện, sinh ngày 27/3/2010. Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Kim, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, thì cả ba người con chung hiện nay đang thực tế sống cùng với bà Trương Thị Ngọc V tại địa chỉ ấp Chà Và, xã Vĩnh Kim, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh và do bà Trương Thị Ngọc V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hơn nữa, tại các bản tự khai ngày 30/11/2020, trẻ Lê Trương Yến Nhi, Lê Trương Yến Trang và Lê Trương Minh Thiện đều có nguyện vọng được ở với mẹ là bà Trương Thị Ngọc V. Xét thấy, yêu cầu của bà V được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba con chung là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà V không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con..

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Thị Ngọc V xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng; bà V được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0057783 ngày 29/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức). bà V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Căn cứ Điều 5; khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Ngọc V được ly hôn với ông Lê Thanh H.

- Về con chung: Bà Trương Thị Ngọc V và ông Lê Thanh H có 03 người con chung tên Lê Trương Yến Nhi, sinh ngày 11/02/2008; Lê Trương Yến Trang, sinh ngày 26/01/2009; Lê Trương Minh Thiện, sinh ngày 27/3/2010. Giao cả ba người con chung tên Lê Trương Yến Nhi, Lê Trương Yến Trang và Lê Trương Minh Thiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà V không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết, có thể thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà V xác định không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Ngọc V phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng; bà V được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0057783 ngày 29/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức). bà V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Trương Thị Ngọc V và ông Lê Thanh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh
- VKSND Quận Thủ Đức;
- Chi cục THADS Quận Thủ Đức;
- UBND phường An Khánh, Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức), TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đinh Thị Hoài Thu

